

TPT INTERNATIONAL EQUIPMENT JSC

No.56, Lot N15D, X2A Resettlement Area, Yen So Ward, Hanoi, Vietnam
E m a i l : info@tptlube.com
Hotline: +84 972 027 986



TRIBOLOGY - PERFORMANCE - TRUST

Technical Data Sheet

TPT-460MOS2
Mỡ Hiệu Suất Cao



Giới thiệu sản phẩm

Sản phẩm này là mỡ bôi trơn đa dụng hiệu suất cao, chịu nhiệt độ cao và tải trọng nặng. Được pha chế từ dầu gốc khoáng có chỉ số độ nhớt cao (460cSt) kết hợp với chất làm đặc Lithium Complex. Công thức chứa các phụ gia chống oxy hóa, chống ăn mòn, chịu cực áp (EP) cao cấp cùng chất bôi trơn rắn molybdenum disulfide (MoS₂), được thiết kế chuyên dụng cho các ổ lăn cỡ lớn làm việc ở tốc độ thấp, tải trọng lớn và chịu tải va đập.
Sản phẩm mang lại hiệu năng vượt trội về khả năng chịu nhiệt, chống rung, kháng nước và chịu tải va đập.

Lĩnh vực ứng dụng

- Phù hợp bôi trơn các ổ lăn cỡ lớn làm việc trong điều kiện tốc độ thấp, tải trọng lớn và tải va đập. Được sử dụng rộng rãi trong máy móc khai khoáng, thiết bị luyện kim sắt thép, máy móc ngành giấy, thiết bị môi trường, thiết bị cán thép, thiết bị đúc liên tục và các ứng dụng công nghiệp nặng khác.
- Nhiệt độ làm việc: -20°C ~ 150°C.

Đặc tính & Lợi ích

- Khả năng chịu tải nặng và tải va đập vượt trội: Được pha chế từ dầu gốc có độ nhớt cao và molybdenum disulfide, đáp ứng yêu cầu độ nhớt của các OEM phổ biến. Chịu tải nặng, tải va đập hiệu quả và ngăn ngừa hiện tượng bó kẹt vòng bi.
- Độ ổn định cơ học vượt trội: Khả năng chống rung và chống lực cắt cao, không dễ rò rỉ hoặc giảm độ đặc trong quá trình vận hành, duy trì độ ổn định của mỡ trong thời gian dài.
- Khả năng kháng nước, chống gỉ và chống ăn mòn ưu việt: Chống rửa trôi bởi nước, bảo vệ hiệu quả các chi tiết kim loại khỏi gỉ sét, ăn mòn và hư hỏng trong môi trường ẩm ướt, nhiều bụi.
- Khả năng chịu nhiệt cao và chống tạo cặn than: Công thức có điểm nhỏ giọt cao, hạn chế mềm hóa và thất thoát mỡ ở nhiệt độ cao, đồng thời có khả năng chống oxy hóa và chống tạo cặn than, phù hợp cho thiết bị làm việc liên tục ở nhiệt độ cao.
- Tuổi thọ sử dụng dài, giảm chi phí bảo trì: Hiệu năng tổng thể vượt trội giúp kéo dài chu kỳ bôi trơn lại và giảm chi phí bảo trì thiết bị.

TESTING ITEMS	TYPICAL DATA	TESTING STANDARDS
NLGI Grade	3	ASTM D217
Appearance	Black	Visual
Soap Type	Lithium complex	--
Base Oil Type	Mineral	--
Worked Cone Penetration, 0.1mm	242	ASTM D217
Dropping Point, °C	282	ASTM D2265
Kinematic Viscosity @40°C, mm²/s	460	ASTM D445
Kinematic Viscosity @100°C, mm²/s	31	ASTM D445
Oil Separation (100°C, 24h), %	2.2	ASTM D6184
Evaporation Loss (99°C, 22h), %	1.8	ASTM D972
Water Washout Loss (38°C, 1h), %	4.5	ASTM D2266
Copper Corrosion (100°C, 24h)	1b Class	ASTM D130
Four-Ball Welding Load (PD/N)	3923	ASTM D2783

* Lưu ý khi sử dụng

- Không trộn lẫn với các loại mỡ bôi trơn khác để tránh làm hỏng cấu trúc và suy giảm tính năng của mỡ.
- Làm sạch hoàn toàn lượng mỡ cũ trước khi bơm mỡ mới. Lượng mỡ nạp vào ổ lăn nên đạt 1/3–1/2 thể tích khoang ổ để tránh quá nhiệt do bơm quá nhiều.
- Các thông số nêu trên là giá trị điển hình được xác định trong điều kiện thử nghiệm và chỉ dùng làm cơ sở tham khảo khi lựa chọn sản phẩm. Hiệu quả thực tế phụ thuộc vào điều kiện vận hành của thiết bị.